TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/DS-ST
Ngày: 28 / 9 /2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Múth So Ny.

2. Ông Chau Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Vân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân HUYỆN T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hồ Hoàng B**, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Hồ Hoàng H**, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (Hợp đồng ủy quyền ngày 15/6/2018), có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Hoàng B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Hoàng H trình bày:

Vào ngày 09/01/2018, ông Bcó cho bà Lvay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 5 tháng (từ ngày 09/01/2018 đến ngày 09/6/2018), lãi suất 4%/tháng, việc vay thể hiện theo Hợp đồng vay tiền ngày 09/01/2018. Đối với khoản vay này bà Ltrả tiền lãi được 02 tháng (Tháng 02/2018, tháng 3/2018) tổng số tiền là 8.000.000 đồng, còn nợ vốn vay là 100.000.000 đồng.

Vào ngày 05/02/2018, ông B có cho bà Lvay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 5 tháng (từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/7/2018), lãi suất 6%/tháng, việc vay thể hiện theo Hợp đồng vay tiền ngày 05/02/2018. Đối với khoản vay này bà L trả tiền lãi được 02 tháng (Tháng 03/2018, tháng 4/2018) tổng số tiền là 6.000.000 đồng, còn nợ vốn vay là 50.000.000 đồng.

Nay ông Byêu cầu bà L trả tiền vốn vay là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai và lời khai tại biên bản hòa giải, bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Lthừa nhận có vay tiền của ông Bvà đã trả tiền lãi như ông Btrình bày. Hiện còn nợ ông B tiền vốn vay tổng cộng là 150.000.000 đồng, bà Lcũng đồng ý trả số tiền vốn vay 150.000.000 đồng cho ông Bảo. Đối với số tiền lãi 14.000.000 đồng mà bà Lđã trả cho ông Bthì bà Lkhông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Hoàng H vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN T:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về nội dung vụ án: ông Hồ Hoàng B và bà Nguyễn Thị L ký kết các hợp đồng vay ngày 09/01/2018, ngày 05/02/2018 trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông Bvà bà Lthống nhất bà L còn nợ vốn vay của 02 hợp đồng

là 150.000.000 đồng, đã trả tiền lãi 14.000.000 đồng, tuy nhiên các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết số tiền lãi 14.000.000 đồng. Ông B có thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu bà Ltrả tiền vốn vay 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông B khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc bà L trả cho ông B tiền vốn vay 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay còn nợ theo hợp đồng, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ltheo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng vay ngày 09/01/2018, ngày 05/02/2018 được ký kết giữa ông Hồ Hoàng B và bà Nguyễn Thị L trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Ông Hồ Hoàng B và bà Nguyễn Thị L cùng thống nhất thừa nhận hợp đồng vay ngày 09/01/2018, bà L trả tiền lãi cho ông Bđược 02 tháng (Tháng 02/2018, tháng 3/2018) tổng số tiền là 8.000.000 đồng, còn nợ vốn vay là 100.000.000 đồng; đối với hợp đồng vay ngày 05/02/2018, bà Ltrả tiền lãi được 02 tháng (Tháng 03/2018, tháng 4/2018) tổng số tiền là 6.000.000 đồng, còn nợ vốn vay là 50.000.000 đồng. Hiện bà L còn nợ ông B tiền vốn vay của cả hai hợp đồng là 150.000.000 đồng.

Bà Lđã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo thỏa thuận hợp đồng, do đó ông B khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ. Xét buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông B tiền vốn vay là 150.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ông B yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay 150.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2018 ông B xác định lại là chỉ yêu cầu bà L trả tiền vốn vay 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Xét đây là việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi 14.000.000 đồng mà bà Lđã trả cho ông B thì bà Lvà ông Bthống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hoàng B.

Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho ông Hồ Hoàng B số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 (Bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Ông Hồ Hoàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Hồ Hoàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (Ba triệu, bảy

trăm, năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số TU/2016/0004213 ngày 30/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN T.

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện T;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng